

Số: /KH-UBND

Đông Hưng, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện chương trình Chuyển đổi số huyện Đông Hưng đến năm 2025

Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 19/11/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết); Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án); Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 31/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết, Đề án chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025. Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số huyện Đông Hưng đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra tại Nghị quyết, Đề án chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025 và theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.
- Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết, Đề án chuyển đổi số tỉnh Thái Bình, Kế hoạch triển khai thực hiện chương trình Chuyển đổi số huyện Đông Hưng đến năm 2025.
- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số.
- Đổi mới toàn diện hoạt động quản lý, điều hành trong cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã; thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hoạt động thương mại điện tử hướng tới phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn huyện.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của sở Thông tin và Truyền thông, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện để triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu thực tiễn tại các ngành, địa phương.
- Việc triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số phải tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành, hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.
- Khai thác, huy động sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số ở cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Kịp thời biểu dương, khen thưởng những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình chuyển đổi số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Góp phần phát triển xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số chung của toàn tỉnh.

- Đổi mới căn bản, toàn diện công tác quản lý, điều hành trong cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã; thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hoạt động thương mại điện tử hướng tới phát triển Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số trên địa bàn huyện.

2. Mục tiêu đến năm 2025

2.1. Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động

+ 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

+ 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

+ 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

+ 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

+ Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

+ Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.

+ Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

+ Năng suất lao động (tính theo giá so sánh) tăng từ 9%/năm trở lên.

+ Từ 50% doanh nghiệp trở lên áp dụng công nghệ số trong sản xuất kinh doanh.

2.3. Phát triển xã hội số:

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80% trở lên.

+ Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%; trong đó, có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 50%.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.

+ Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.

+ Mỗi hộ gia đình đều tiếp cận được dịch vụ Internet băng thông rộng; trong đó, tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%.

+ Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%.

+ Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%.

+ Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

+ Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

+ Ưu tiên các dịch vụ thông minh để giải quyết các vấn đề trên các lĩnh vực: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, bảo vệ môi trường, trật tự giao thông, an ninh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Chính quyền số

- Thực hiện triển khai Đề án, kế hoạch, chương trình chuyển đổi số theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Thông tin và truyền thông;
- Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số, quy chế hoạt động, Kế hoạch Triển khai thực hiện chương trình Chuyển đổi số huyện đến năm 2025; Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã, thành lập tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương;
- Lựa chọn một số xã, thị trấn để thực hiện thí điểm ứng dụng CNTT, chuyển đổi số;
- Tăng cường công tác tổ chức tập huấn cho lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- Xây dựng cơ chế và triển khai kế hoạch an toàn, an ninh mạng trong quản lý nhà nước;
- Số hóa tài liệu hồ sơ lưu trữ theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh;
- Nâng cấp hệ thống, cơ sở hạ tầng, công nghệ tại các cơ quan đơn vị.

1.2. Kinh tế số

- Phổ biến kiến thức về chuyển đổi sang kinh tế số cho doanh nghiệp: Xây dựng kế hoạch phổ biến kiến thức về chuyển đổi số, kinh tế số; tính cấp thiết của chuyển đổi số; xây dựng lộ trình chuyển đổi sang kinh tế số; triển khai thực hiện các nhiệm vụ về: Chuyển đổi số trong lĩnh vực xây dựng; phổ cập thanh toán điện tử; Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp; Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch;
- Thúc đẩy giải pháp số cho các doanh nghiệp trong huyện, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ;
- Khuyến khích Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, đưa các sản phẩm đặc trưng của địa phương lên sàn thương mại điện tử cho người dân và các hộ sản xuất, kinh doanh cá thể;
- Phổ cập sử dụng sàn thương mại điện tử cho người dân và các hộ sản xuất nông nghiệp, hộ kinh doanh cá thể.

1.3. Xã hội số

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền với nhiều hình thức khác nhau như: hệ thống truyền thanh cơ sở, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số... để người dân biết;
- Phổ cập sử dụng dịch vụ công trực tuyến do cơ quan chính quyền các cấp cung cấp cho người dân, doanh nghiệp;
- Phổ cập sử dụng nền tảng số hỗ trợ tư vấn sức khỏe cá nhân, kết nối trực tiếp giữa người dân với bác sĩ theo quy định của pháp luật, sử dụng nền tảng số hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa của các bệnh viện;
- Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân, mỗi người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, được sử dụng trong hoạt động khám chữa bệnh và theo dõi sức khỏe người dân, từng bước thay thế y bạ giấy.
- Phổ cập sử dụng nền tảng dạy học trực tuyến, trong đó chú trọng hướng dẫn người dân chủ động sử dụng các nền tảng số phục vụ việc học tập, ôn luyện các môn học về khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, kỹ năng số, kỹ năng mềm;
- Phổ cập sử dụng nền tảng số khác phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân

như liên lạc, giải trí, du lịch, đi lại, ăn uống và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

2. Giải pháp

2.1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; phân công, phối hợp thống nhất rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số;

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Kế hoạch trong phạm vi quản lý; xác định chuyên đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, xác định rõ nội dung công việc, biện pháp thực hiện, phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân; tăng cường đôn đốc, kiểm tra; gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2.2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội.

- Chuyển đổi số không chỉ là công việc riêng của hệ thống chính quyền mà còn là yêu cầu chung của toàn xã hội. Vì vậy, cần tăng cường công tác thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức, đặc biệt trên môi trường số về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến Chương trình chuyển đổi số để mọi cán bộ, công chức, viên chức và người dân nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận tự giác tham gia chuyển đổi số.

- Tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn, đào tạo kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức UBND cấp huyện, cấp xã.

2.3. Ưu tiên nguồn lực tài chính và nhân lực cho chuyển đổi số

Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính, huy động và bố trí cán bộ, công chức, viên chức có năng lực chỉ đạo, nghiên cứu và tham mưu thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2.4. Phát triển hạ tầng số

- Các doanh nghiệp viễn thông có kế hoạch xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn tỉnh. Ưu tiên phát triển tại các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư, ...

- Chuyển đổi mạng Internet của huyện sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Dịch vụ trực tuyến của các cơ quan nhà nước, báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, giáo dục, y tế, thương mại điện tử của tỉnh sử dụng tên miền quốc gia (.vn).

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải đảm bảo hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

2.5. Phát triển nền tảng số

Xác định danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị, ngân hàng số và có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các hệ thống này.

2.6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông Thái Bình để giám sát hệ thống, cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn thông tin, an ninh mạng và xác định, phát hiện các thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng để kịp thời xử lý, gỡ bỏ.

- Các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số phải phát triển các hệ thống nền tảng và mạng lưới hạ tầng gắn với đảm bảo an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công và bảo vệ một cách chủ động.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp nhiệm vụ chi hiện hành và nguồn hợp pháp khác. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, cơ chế chính sách, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, bảo đảm an toàn an ninh mạng, chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hoá và Thông tin huyện

- Là cơ quan thường trực tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch. Có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nội dung trong kế hoạch và tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định;

- Tham mưu UBND huyện ban hành các văn bản, các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch;

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch chuyển đổi số và chế độ thông tin báo cáo theo quy định;

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, các doanh nghiệp, người dân để thúc đẩy chuyển đổi số.

2. Văn phòng HĐND&UBND huyện: Phối hợp với Phòng Văn hoá và Thông tin, các cơ quan đơn vị liên quan thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền số được giao trong Kế hoạch hàng năm.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định cân đối phân bổ nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số;

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định.

4. Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện

Tăng cường thời lượng, số lượng tin, bài tuyên truyền về chương trình Chuyển đổi số phát sóng trên hệ thống Đài Truyền thanh, Truyền hình huyện; Cổng thông tin điện tử huyện.

5. Các phòng, ban, đơn vị có liên quan

- Tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, công dân; ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong các đơn vị;

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này và các Chương trình, Kế hoạch chuyển đổi số của các sở ngành chủ động xây dựng Kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện tại đơn vị mình; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (qua phòng Văn hóa và Thông tin) trước ngày 30/6 và 15/12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Chủ động nghiên cứu, rà soát, đề xuất các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án, đề án để phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

- Tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể nhân dân về chương trình Chuyển đổi số trên hệ thống đài truyền thanh cơ sở, trên Cổng thông tin điện tử xã, thị trấn.

- Trên cơ sở Kế hoạch ứng dụng CNTT, Kế hoạch Chính quyền số hàng năm do UBND huyện ban hành, UBND xã, thị trấn đưa nội dung, nhiệm vụ về chuyển đổi số thuộc trách nhiệm vào Kế hoạch ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền số hàng năm của địa phương.

- Thực hiện nhiệm vụ báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu tình hình triển khai, thực hiện Kế hoạch về UBND huyện qua Phòng Văn hoá và Thông tin huyện.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện chương trình Chuyển đổi số huyện đến năm 2025. Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở TTTT Thái Bình;
- TTr Huyện uỷ; HĐND huyện;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Thành viên BCĐ chuyển đổi số huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VHTT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Bá Vương